

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Phạm Tấn Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 7, ấp T, xã Th, thị xã B, tỉnh B; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Cù Thị Thanh N, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ 5, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: anh Vũ Văn T và chị Cù Thị Thanh N tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh T và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 vào ngày 21-6-2016.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương. Đến khoảng năm 2019, anh T và chị N bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung về nuôi dạy con cái và kinh tế gia đình. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bản thân mỗi người tự lo cho riêng. Năm 2020, anh T và chị N sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị N về sống với cha mẹ ruột tại xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Anh T và chị N không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Vũ N Hồng T, sinh ngày 27-10-2016. Hiện nay, cháu Thy đang sống chung với chị N tại xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn, anh T yêu cầu giao cháu Thy cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn chị Cù Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 01 năm 2022, gia đình của chị N, gồm ông Cù Trọng Tâm, bà Nguyễn Thị Kim H là cha mẹ ruột của chị N và bà Trần Thị Loan là bà ngoại của chị N cung cấp như sau: Chị N và anh T sống ly thân với nhau đã lâu. Thời gian ly thân, chị N cùng với cháu Thy sống với cha mẹ ruột và bà ngoại tại ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Anh T ít đến thăm nom, chăm sóc, cấp dưỡng nuôi con. Nguyên nhân anh T và chị N mâu thuẫn thì gia đình không biết và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Dương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Cù Thị Thanh N nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn. Bị đơn chị Cù Thị Thanh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 5, ấp 4, xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Cù Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Cù Thị Thanh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 vào ngày 21-6-2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N do anh T và chị N đều không quan tâm đến gia đình, chăm sóc lẫn nhau, nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2020, anh T và chị N sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Hơn nữa, quá trình tố tụng, chị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Xét thấy, anh T và chị N là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị N phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình chị N; vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu khởi kiện của anh T xin ly hôn với chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị N có một con chung tên Vũ N Hồng Thy, sinh ngày 27-10-2016. Anh T yêu cầu giao cháu Thy cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tham gia tố tụng, chị N không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con. Xét thấy, cháu Thy đang sống chung với chị N. Chị N có công việc, thu nhập ổn định và đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên giao cháu Thy cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn T đối với bị đơn chị Cù Thị Thanh N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Cù Thị Thanh N.

- Về con chung: giao cháu Vũ N Hồng T, sinh ngày 27-10-2016 cho chị Cù Thị Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. T hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008758 ngày

13 tháng 10 năm 2021 Chi cục T hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

T hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015, ngày 21-6-2016);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa